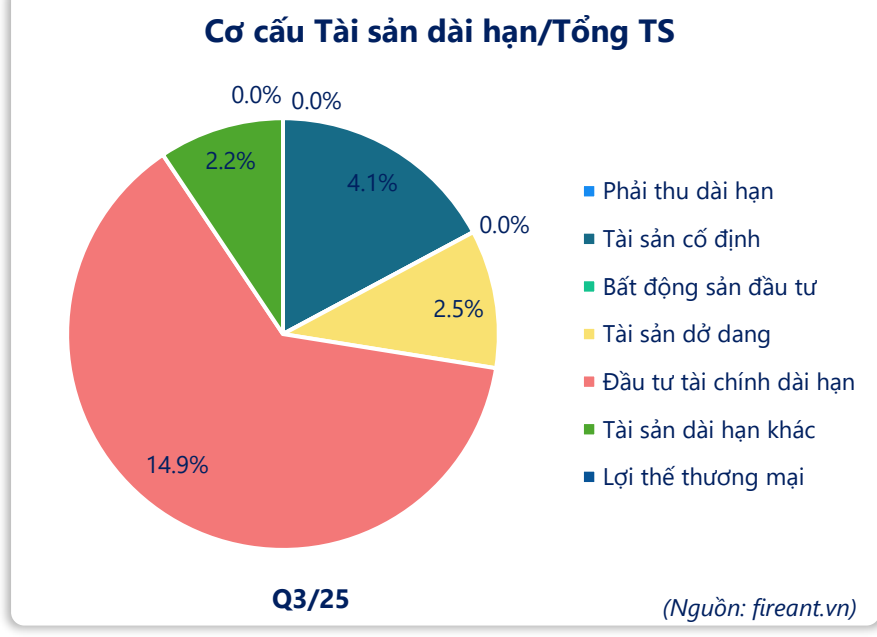
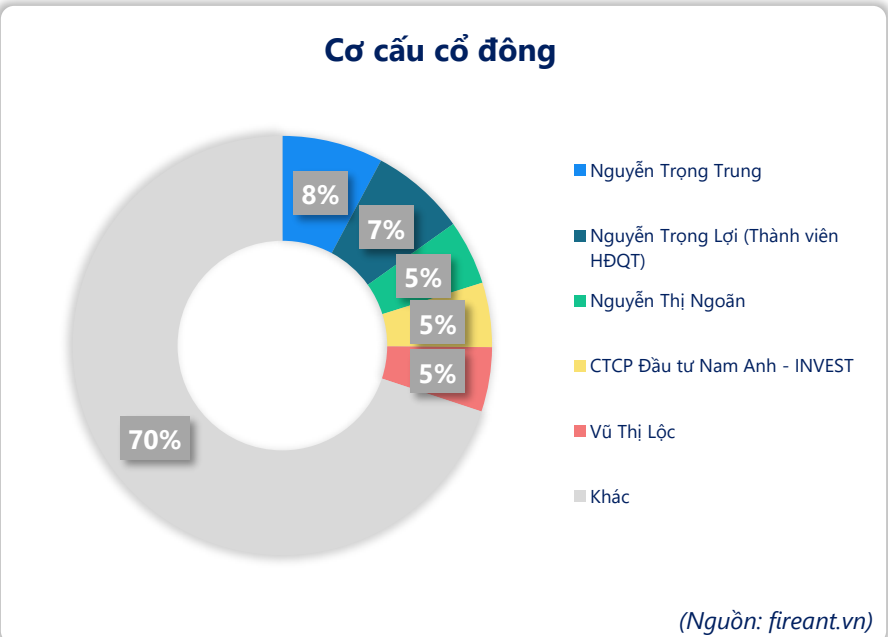
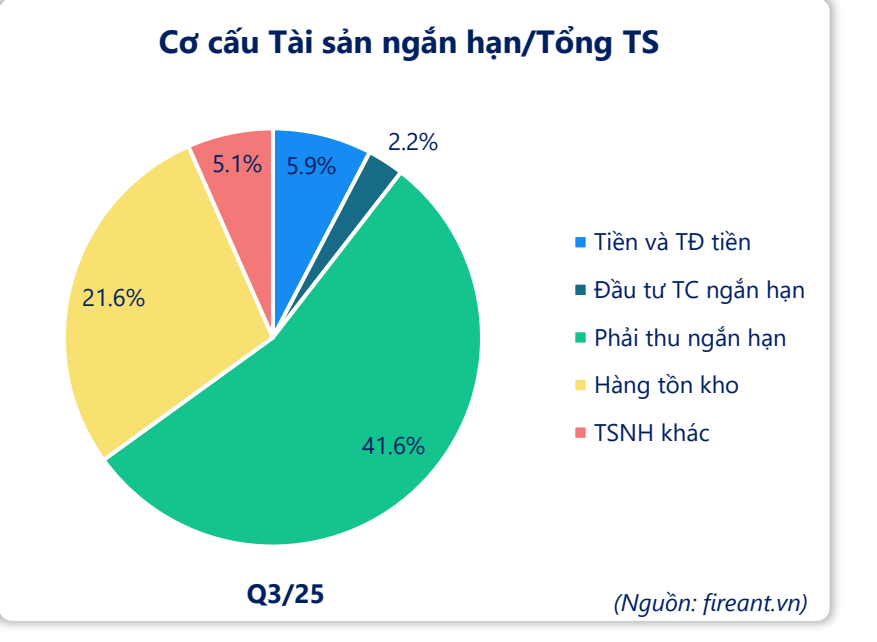
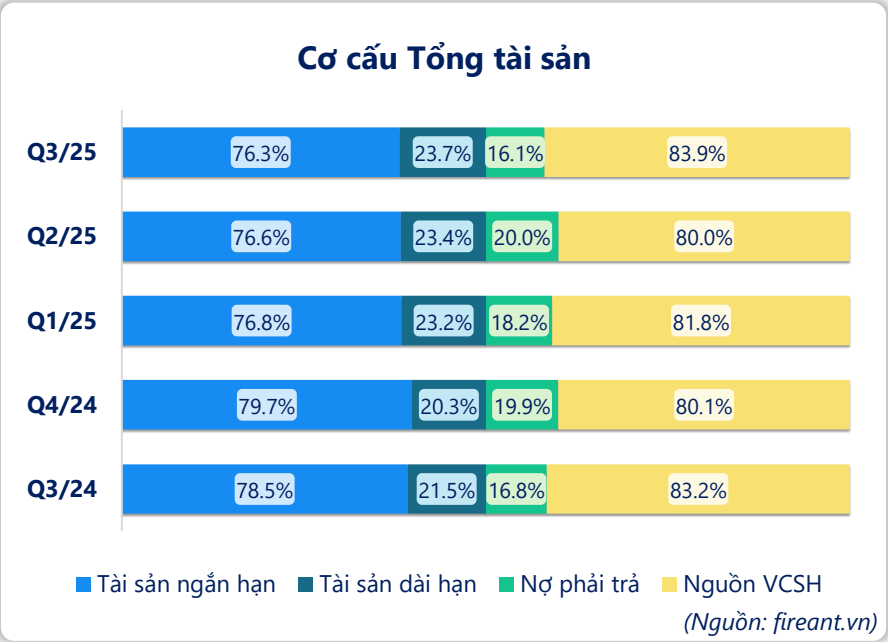
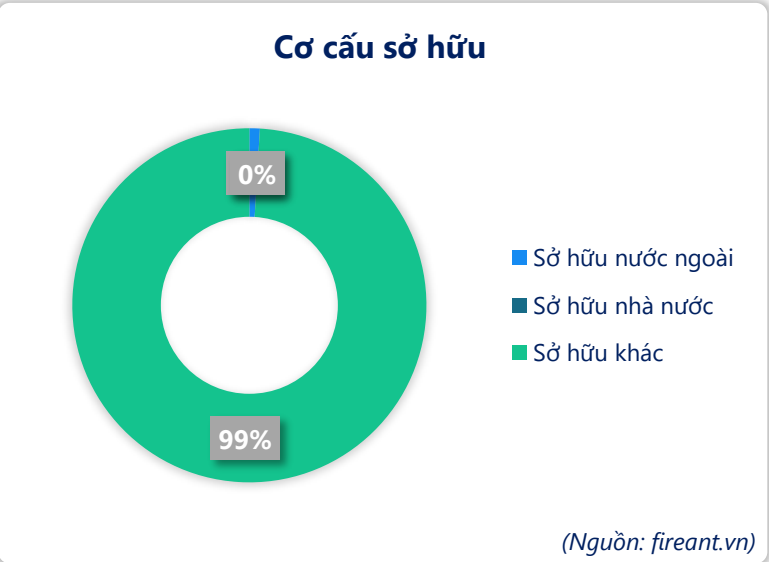
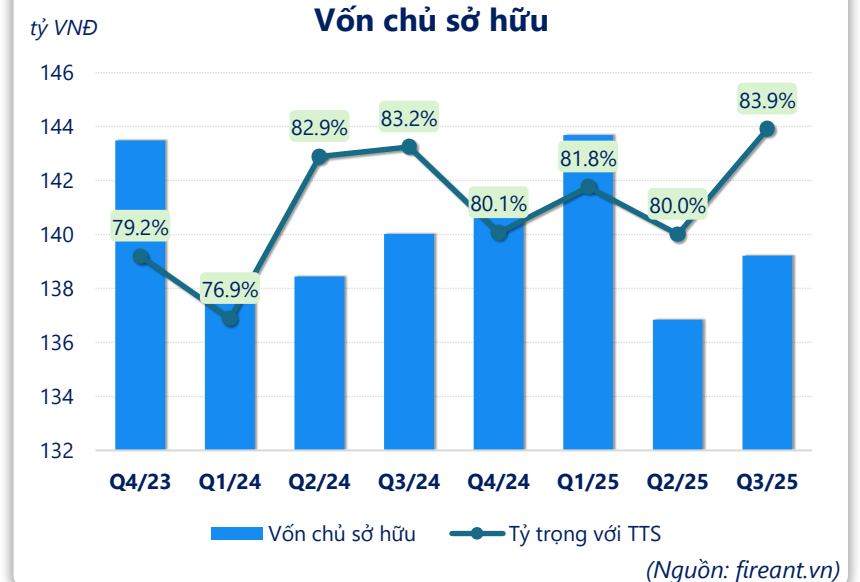
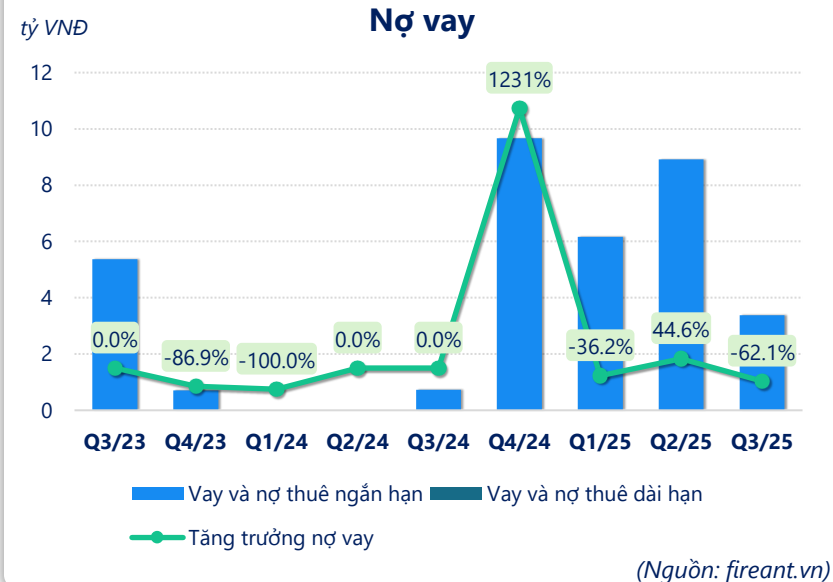
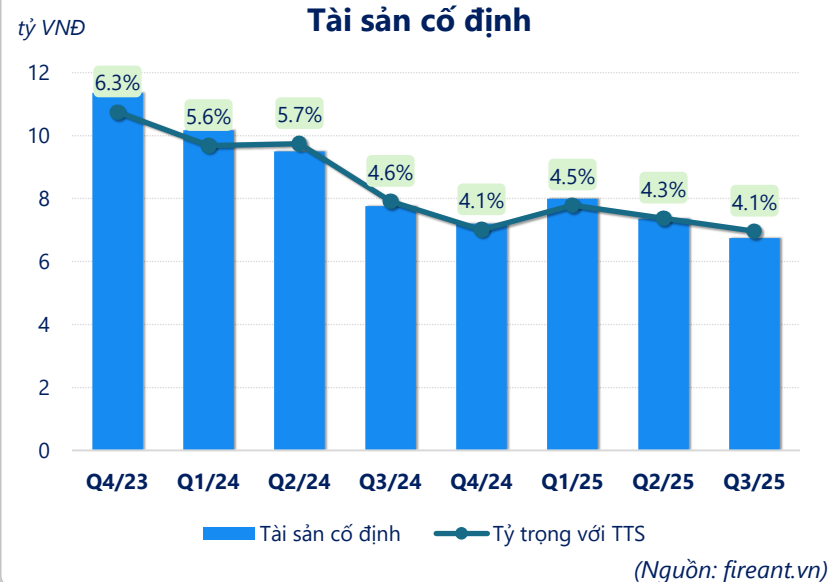
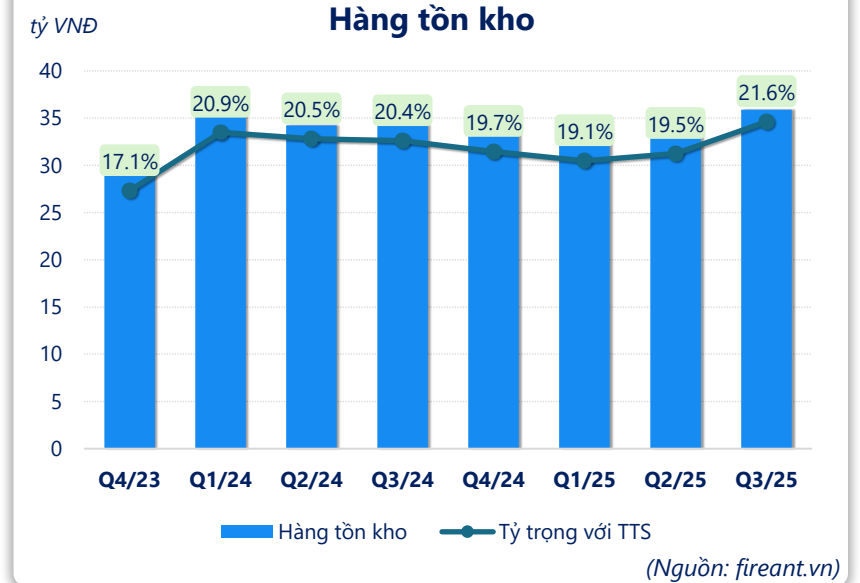
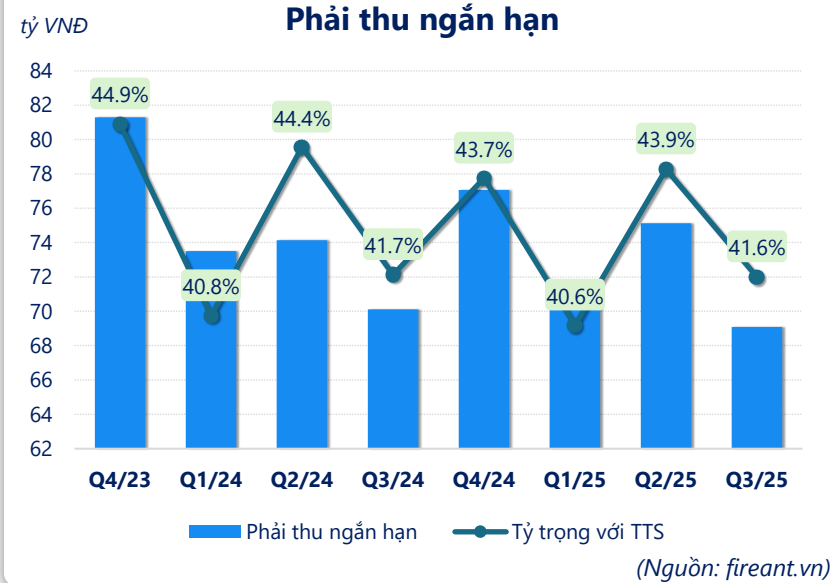
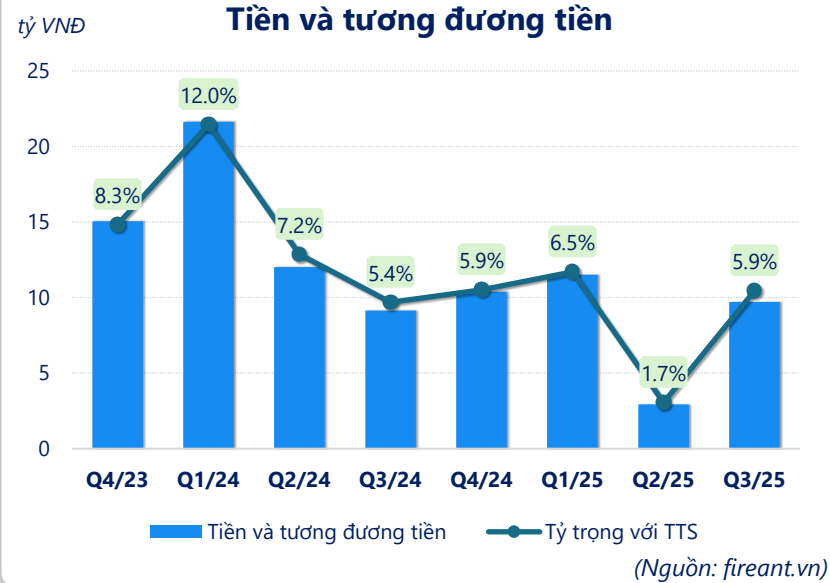
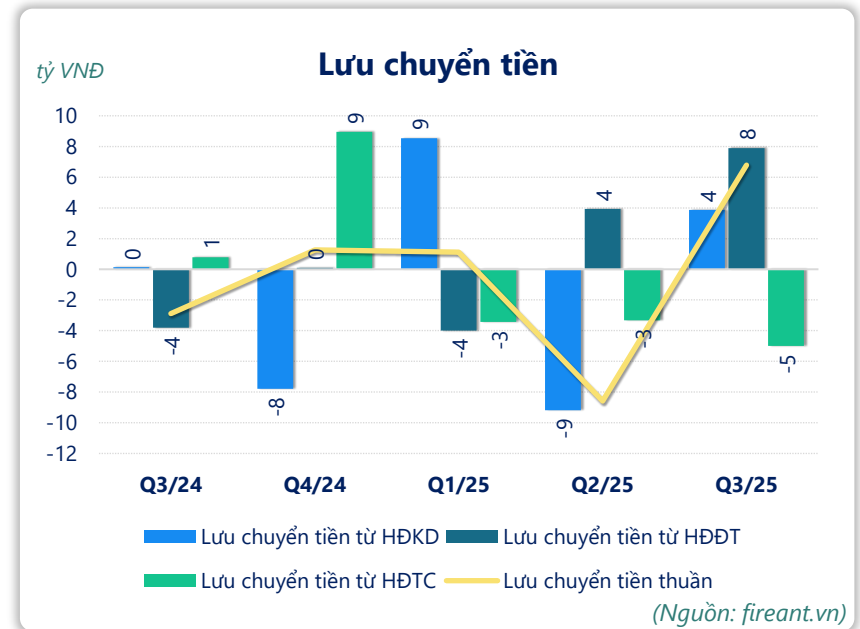
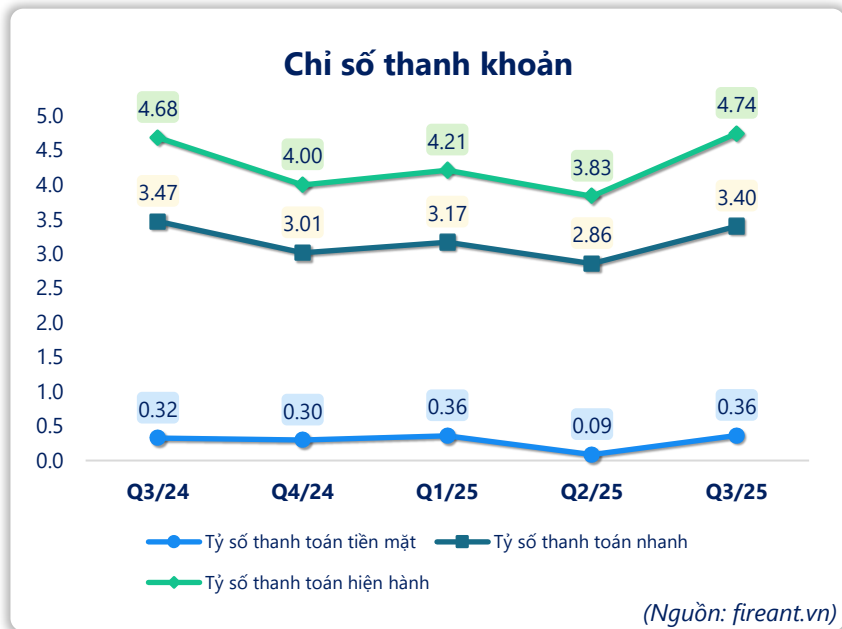
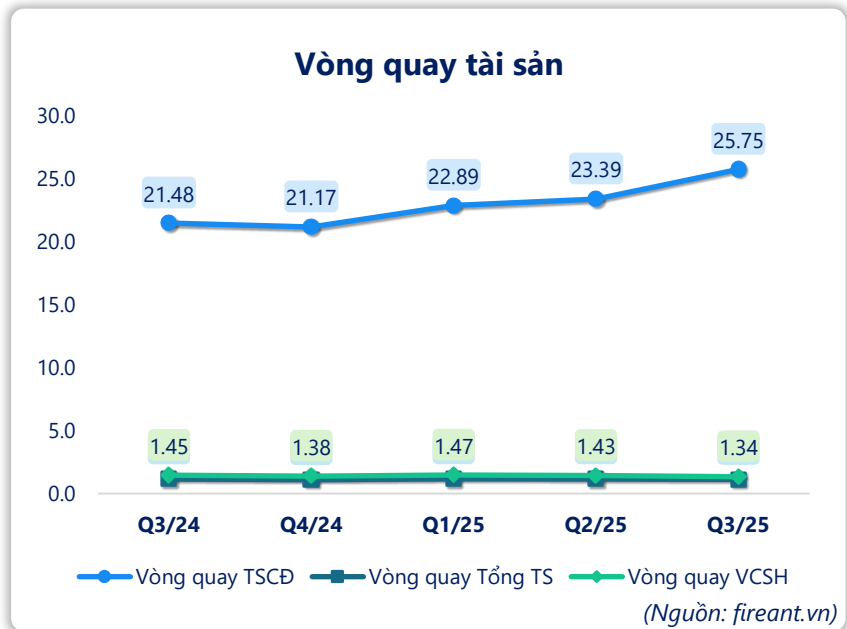
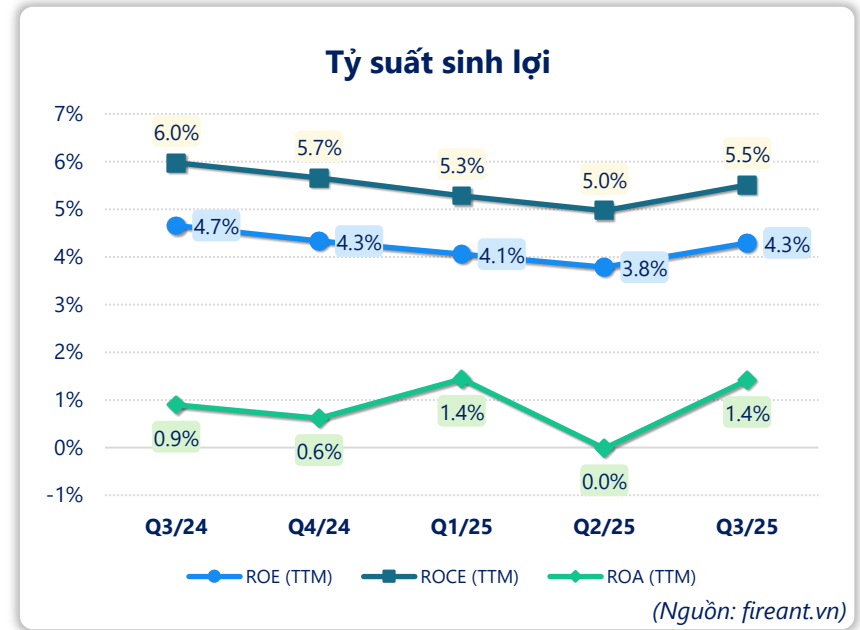
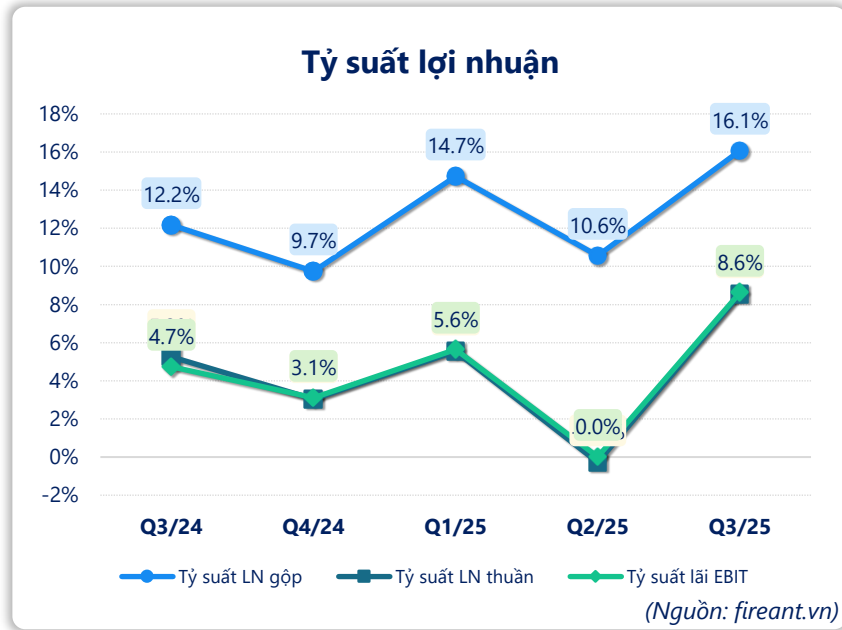
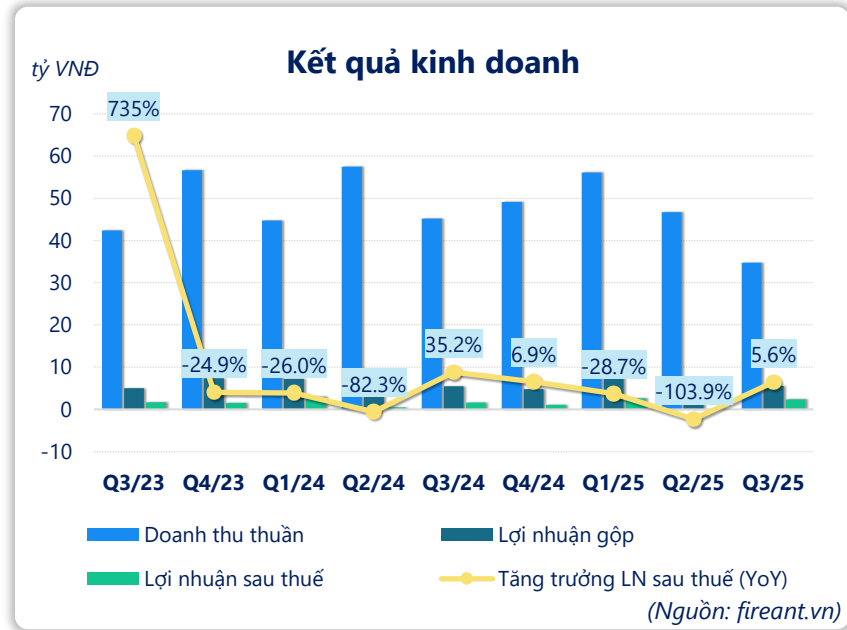


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,096
SL cổ phiếu LH		8,022,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)		215
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		73
P/E		12.2
EPS		747

	YTD	1T	3T	6T
STP	-1.1%	5.8%	1.1%	-1.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	166	176	-5.9%
Tài sản ngắn hạn	127	140	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	9.71	10.4	-6.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.58	10.8	-66.9%
Phải thu ngắn hạn	69.1	77.1	-10.4%
Hàng tồn kho	35.9	34.7	3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.39	7.53	11.4%
Tài sản dài hạn	39.2	35.8	9.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.74	7.20	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.07	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	24.8	24.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.69	3.80	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26.7	35.1	-24.0%
Nợ ngắn hạn	26.7	35.1	-24.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.38	9.67	-65.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	15.4	10.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	139	141	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	139	141	-1.4%
Vốn điều lệ	80.5	80.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	45.2	49.1	56.1	46.7	34.7
Giá vốn hàng bán	39.7	44.4	47.8	41.8	29.1
Lợi nhuận gộp	5.50	4.79	8.26	4.93	5.58
Doanh thu HĐTC	0.15	0.35	0.43	0.40	0.34
Chi phí TC	0.22	0.73	0.09	-0.46	0.05
Chi phí lãi vay	0.01	0.04	0.06	0.04	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.00	0.84	0.86	0.48	0.39
Chi phí QLDN	2.06	2.07	4.63	5.44	2.52
LN thuần từ HĐKD	2.37	1.50	3.11	-0.13	2.97
Lợi nhuận khác	-0.24	-0.01	-0.01	0.09	-0.01
LN trước thuế	2.14	1.49	3.10	-0.04	2.95
Lợi nhuận sau thuế	1.58	1.10	2.56	-0.03	2.36
LNST của CĐ cty mẹ	1.58	1.10	2.56	-0.03	2.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.13	-7.79	8.54	-9.18	3.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.81	0.10	-4.00	3.93	7.90
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.78	8.96	-3.42	-3.33	-4.99
Tiền đầu kỳ	12.0	9.13	10.4	11.5	2.93
Lưu chuyển tiền thuần	-2.90	1.26	1.12	-8.58	6.78
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.13	10.4	11.5	2.93	9.71

(Nguồn: fireant.vn)